

CUỘC CẠNH TRANH CHẤT XÁM VĨ ĐẠI

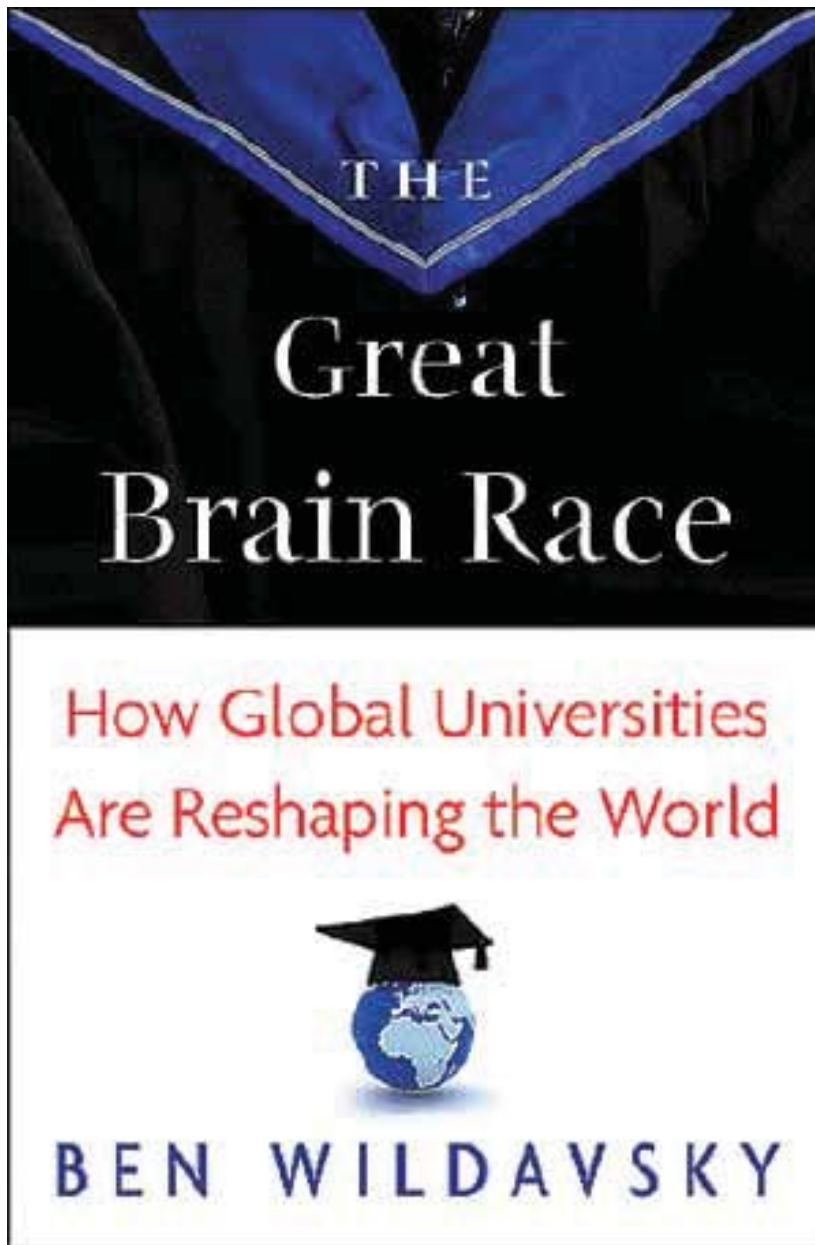
● NGUYỄN XUÂN XANH

Cuộc cạnh tranh chất xám vĩ đại (The Great Brain Race) của GS. Ben Wildavsky, một học giả có tiếng ở Hoa Kỳ, là một quyển sách rất súc tích và uyên bác, đã vẽ lên một bức tranh tổng thể về cuộc cạnh tranh toàn cầu nhằm thu hút tài năng trí tuệ và sự chạy đua nâng cấp hệ thống giáo dục đại học thế giới nhằm tạo ra tri thức và tinh hoa cho xã hội, do đó sẽ ảnh hưởng quan trọng lên việc định hình thế giới thế kỉ 21. Bản tin ĐHQGHN xin trích đăng một phần nhỏ cuốn sách này.

BẢN ĐỒ ĐẠI HỌC VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THẾ GIỚI

Những năm gần đây, các chính phủ đều đầu tư những số tiền khổng lồ nâng cấp các đại học thành những thể chế học thuật "đẳng cấp thế giới": từ các quốc gia của châu Âu, cái nôi của đại học, như Đức, Pháp; đến các quốc gia mới nổi lên như Saudi Arabia, Trung Quốc; từ châu Á đến châu Phi, châu Mỹ. Các đại học đẳng cấp thế giới có nhiệm vụ vừa đào tạo tinh hoa, tránh thất thoát chất xám, vừa thu hút chất xám thế giới.

Saudi Arabia, một xứ sở của sa mạc và dầu hỏa, cũng tham vọng trở thành quốc gia có đại học đẳng cấp thế giới bằng việc đầu tư 10 tỉ USD vào để án khổng lồ KAUST (cái tên na ná KAIST, Viện khoa học công nghệ Tiên tiến của Hàn Quốc), Đại học Khoa học Công nghệ nhà vua Abdullah, người trực tiếp bỏ tiền ra, để đưa nền học thuật trở lại thời đại vàng son Hồi giáo, và để thu hút chất xám làm "xanh tươi" đất nước sa



mac, và cho cả vùng Ả Rập rộng lớn. Số tiền này mới chỉ là vốn khởi động; trong khi số vốn đầu tư được chờ đợi lên đến con số 25 tỉ USD, chỉ đứng thứ hai sau Harvard. Vua Abdullah cũng cho phép KAUST không chịu sự quản lí của Bộ Giáo dục, do Bộ này nổi tiếng quan liêu.

Trung Quốc là một "tay chơi" đầy tham vọng khác, từ thập niên 90 thế kỉ trước

đã đầu tư hàng chục tỉ USD để nâng cấp một trăm trường đại học và tập trung tạo ra chín trường đẳng cấp quốc tế, tập hợp dưới cái tên C9, một kiểu Ivy League của Trung Quốc (Phúc Đán, Nam Kinh, Học viện Công nghệ Cấp Nhĩ Tân, Bắc Kinh, Giao thông Thượng Hải, Thanh Hoa, Đại học Khoa học Công nghệ An Huy, Giao thông Tây An, Chiết Giang).



Ấn Độ đang nỗ lực nhân rộng mô hình IIT, Indian Institute of Technology, Học viện công nghệ Ấn Độ, nơi uơm tài năng Ấn Độ nổi tiếng và được thành lập từ những thập niên 50 thế kỉ trước lúc quốc gia giành lại độc lập. IIT là niềm tự hào dân tộc. Các công ty toàn cầu như Boston Consulting và McKinsey hàng năm đến để đón bắt các tài năng giỏi, sáng chói nhất của Ấn Độ. Nhưng Ấn Độ đã không làm những cuộc bút phá, và hiện nay, tuy đi trước rất lâu, nhưng bị coi là tụt lại phía sau Trung Quốc.

Hàn Quốc đã xây dựng trên các cơ sở hợp tác chiến lược với các đại học nước ngoài, phần lớn với Hoa Kỳ, và thuê các nhà khoa học, quản lý hàng đầu. Năm 2008, Hàn Quốc đưa ra “chương trình

các đại học đẳng cấp thế giới” với quỹ 800 triệu USD cho 5 năm nhằm “nhập khẩu” các giáo sư nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu, thường là bán thời gian. 1.000 nhà khoa học đã nộp đơn trong mười tháng đầu, trong đó 40% đến từ Hoa Kỳ, có cả nhiều nhà khoa học đoạt giải Nobel. Hàn Quốc hy vọng những nhà khoa học này sẽ xây dựng các chương trình nghiên cứu chuyên ngành, hoặc các ngành khoa học mũi nhọn mới.

Singapore là quốc gia hợp tác có lẽ mạnh mẽ nhất với các đại học hàng đầu Hoa Kỳ. Họ đã nhắm mục tiêu đem 10 đại học quốc tế vào, và đã thành công với 6 đại học. Đặc biệt, năm 2007, họ đã đưa được MIT vào trung tâm nghiên cứu tại

khuôn viên nghiên cứu quốc gia CREATE (Campus for Research Excellence and Technological Enterprise). Năm 2007, họ cũng thành lập Singapore International Graduate Award, SINGA, một loại học bổng sau tiến sĩ dành cho sinh viên ngoại quốc muốn tiếp tục nghiên cứu tại hai Đại học NUS và NTU. Mỗi năm có khoảng 240 học bổng SINGA được cấp, với những tiêu chuẩn chọn lọc chặt chẽ. Tuy chương trình kết nối với các đại học hàng đầu nước ngoài không phải lúc nào cũng thành công, một số đại học “bỏ cuộc” (Warwick, Johns Hopkins, New South Wales), nhưng nói chung, Singapore đã rất thành công trong nỗ lực của mình để trở thành một powerhouse của tri thức toàn cầu.

XẾP HẠNG ĐẠI HỌC

Cuộc chạy đua đại học thế giới được tăng tốc từ một phát súng của những ý tưởng “điên rồ” về xếp hạng, ranking, các đại học thế giới vào những năm cuối thế kỉ 20, đầu 21. Năm 1997, tạp chí Asiaweek đã làm một cuộc xếp hạng, nhưng chỉ giới hạn vào các đại học châu Á. Năm năm sau, 2002, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ của Thụy Sĩ công bố “liên đoàn của các quân quân”, dành cho các đại học và viện nghiên cứu dựa trên các bài báo đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học. Nhưng bảng xếp hạng quy mô đầu tiên cho đại học thế giới được công bố năm 2003 dưới cái tên Academic Ranking of World Universities, “Xếp hạng hàn lâm của các đại học thế giới”, của Viện Giáo dục đại học của Đại học Giao thông Thượng Hải. Một năm sau, 2004, báo Times London đưa ra bảng xếp hạng Times Higher Education Supplement, viết tắt THES. Các tiêu chí này khác hơn, “toàn diện hơn”, như số sinh viên tốt nghiệp làm ở những công ty toàn cầu, tỉ lệ giáo sư nước ngoài, tỉ lệ sinh viên/ giáo sư.

Châu Âu đang nỗ lực tạo ra một bảng xếp hạng mới: “Bảng xếp hạng đại học toàn cầu đa chiều” (viết tắt U-Multirank) để chú ý hơn các yếu tố khác và các ngành khoa học nhân văn, xã hội, chất lượng giảng dạy, đầu ra... Hiện đã có vài chục bảng xếp hạng, phần lớn mang

tính chất địa phương hay khu vực.

TOÀN CẦU HÓA TRI THỨC VÀ GIÁO DỤC

Môi trường văn hóa đại học thế giới ngày càng gắn gũi nhau: dân chủ, văn minh, hiện đại, trọng đãi tài năng, tự quản, tự do hàn lâm, học thuật, đó là nền tảng các giá trị phổ quát. Các "công dân mới" tốt nghiệp từ các đại học thế giới có thể cảm thấy gắn gũi hay gắn bó với văn hóa đó hơn cả với văn hóa quê nhà. Các sinh viên tài năng của các nước đang phát triển chỉ mơ "nhập học vào Harvard sẽ thay đổi đời tôi". Cộng đồng hàn lâm dần dần gắn bó với quê hương chung là cộng hòa hàn lâm xuyên biên giới hơn là quê hương sinh trưởng của mình.

Vốn nhân lực, của một quốc gia là phần chủ yếu nhất tạo nên sự phồn vinh của các quốc gia. Thế kỉ 20 là thế kỉ của vốn nhân lực mà Hoa Kỳ là quốc gia dẫn đầu. Con đường đi tới thành công cho quốc gia và cá nhân cuối cùng chính là sự đầu tư vào vốn nhân lực. Một cộng đồng được giáo dục có thể chưa chắc bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và sự kết nạp vào "câu lạc bộ hội tụ" của các quốc gia phát triển. Nhưng điều ngược lại chắc chắn đúng: Trình độ giáo dục thấp ngăn cản một quốc gia tiến tới biên giới công nghệ và hưởng lợi đầy đủ từ nền kinh tế toàn cầu (C.Goldin và L.Katz). Vốn ấy ngày nay đang chuyển động toàn cầu, để tôi luyện. Họ là những người mang đầy ý tưởng và kĩ năng. Theo Wildavsky, nếu như giới hạn thương mại gây thiệt hại cho người tiêu dùng cũng như cản trở tính sáng tạo kinh tế, thì đóng cửa đối với dòng chảy tự do của con người và ý tưởng là cản trở sự tạo ra tri thức vốn là máu thịt của những thành công kinh tế. Tri thức và tài năng là những "hàng hóa" không thể giam hãm hay đóng kín mà không gây thiệt hại cho chính mình. Phải làm sao để có sự trao đổi nhiều hơn, có nhiều "hàng hóa" hơn.

Không chỉ có sự di chuyển chất xám xuyên biên giới, mà các công trình nghiên

cứu quốc tế cũng có tính chất xuyên biên giới thông qua sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu của nhiều quốc gia khác nhau. Do vậy đòi hỏi nhà khoa học cần phải có những cái nhìn xa, và hiểu biết văn hóa các miền đất khác. Chủ tịch Richard Levin của Đại học Yale là một người chủ trương mạnh mẽ nhất phát triển đại học ra ngoài biên giới. "Chúng tôi muốn đào tạo sinh viên thành những nhà lãnh đạo của thế kỉ 21, và sinh viên không thể là những người "mù chữ văn hóa xuyên biên giới", Levin nói. "Ngoài kia có những tiềm năng lớn hơn", "Mỗi người tốt nghiệp ở Yale phải là một



người bạn quốc tế". "Chúng tôi tự hào nói rằng không những đã đào tạo bốn trong sáu vị Tổng thống vừa qua của Hoa Kỳ, mà còn một vị tổng thống Đức, hai Thủ tướng Hàn Quốc và một Tổng thống của Mexico. Chúng tôi muốn thấy con số này tăng thêm." Ông chưa kể thêm: một Tổng thống, và một Phó tổng thống của Philippines.

GIÁO DỤC ĐH TRỞ THÀNH MỘT NGÀNH KINH DOANH

World Bank ước tính một doanh thu 400 tỉ USD năm dành cho khu vực đại học tư nhân. Sự hấp dẫn đó đã làm hình thành một chuỗi các đại học vì lợi nhuận, ngược với truyền thống đại học

phi lợi nhuận, đặc biệt tại Hoa Kỳ là nơi có rất nhiều đại học tư phi lợi nhuận nổi tiếng và mẫu mực thế giới. Loại đại học này tăng trưởng mạnh mẽ tại châu Á và châu Mỹ La tinh, nơi hệ thống đại học công không theo kịp sự tăng trưởng nhanh của sinh viên. Những con số của Ben Wildavsky gây ngạc nhiên: giáo dục vì lợi nhuận đã chiếm thị phần cực kỳ cao: 80% tại Hàn Quốc, 77% tại Nhật Bản, 75% tại Ấn Độ và Brazil, 68% tại Philippines, Indonesia và Columbia, và 63% tại Bỉ. Tại Mexico và ngay tại Hoa Kỳ, con số cũng không nhỏ: 33 và 32%. Trong khi đa số các trường đại học vì lợi nhuận là của các nước sở tại, thì có một nhóm "tay chơi" quốc tế bước vào cuộc, chủ yếu xuất phát từ Hoa Kỳ: Laureate Education, Whitney International, Apollo Global, University of Phoenix, Kaplan Inc.,

Có nhiều "biến tướng" trong thế giới đại học vì lợi nhuận. Một dạng "luồng thể": học địa phương hai năm, ra nước ngoài tu nghiệp hai năm. Hình thức này thường đòi hỏi cao hơn về chất lượng ở sinh viên. Hay các hình thức hợp tác giữa đại học phi lợi nhuận và vì lợi nhuận. Hoặc các hình thức học ảo, giảng dạy ảo, giảng đường ảo, trên mạng toàn cầu, không thầy, không campus, không tắt cả. Học và dạy một cách "vô danh".

Các đại học vì lợi nhuận hay đại học ảo đang là vấn đề tranh luận lớn. Một mặt các đại học đó tạo ra những người có nghề nghiệp, có một số vốn tri thức, và kĩ năng nhất định cần thiết cho cuộc sống vừa giải phóng các đại học tinh hoa, giảm áp lực, đồng thời cũng "đe dọa sự tồn tại của đại học nghiên cứu tập trung". Chúng ta phải rất thận trọng trước con "đại hồng thủy" này (G. Casper). Vấn đề lớn là cần có sự giám sát hữu hiệu từ phía nhà nước có thể hữu ích, ít nhất là để loại bỏ các tổ chức kinh doanh "ăn xổi ở thì".